

## LUẬN A TỶ ĐẠT MA PHÁT TRÍ QUYỂN 3

### Chương 2: KIẾT UẨN

#### Phẩm 1: BÀN VỀ PHÁP BẤT THIỆN

*Ba kiết cùng các tánh-dị thực  
Đoạn-kiến-hữu hệ thuộc vào căn,  
Là thuộc về đầy đủ thành duyên,  
Nghĩa chương này xin nói đầy đủ.*

Có ba kiết, gọi là kiết hữu thân kiến, kiết giới cấm thủ và kiết nghi.

Ba căn bất thiện là căn bất thiện tham, căn bất thiện sân và căn bất thiện si.

Ba lậu là dục lậu, hữu lậu và vô minh lậu.

Bốn bộc lưu là bộc lưu dục, bộc lưu hữu, bộc lưu kiến và bộc lưu vô minh.

Bốn ách là ách dục, ách hữu, ách kiến và ách vô minh.

Bốn thủ là dục thủ, kiến thủ, giới cấm thủ và ngã ngữ thủ.

Bốn trói buộc thân là tham dục trói buộc thân, giận dữ trói buộc thân, giới cấm thủ trói buộc thân và chấp thật hữu thân này trói buộc thân.

Năm cái là cái tham dục, cái giận dữ, cái hôn trầm-thụy miên, cái trạo cử ố tác và cái nghi.

Năm kiết là kiết tham, kiết giận, kiết mạn, kiết ganh tị và kiết keo kiệt.

Năm kiết thuận phần dưới là kiết tham dục thuận phần dưới, kiết giận dữ thuận phần dưới, kiết hữu thân kiến thuận phần dưới và kiết giới cấm thủ thuận phần dưới, kiết nghi thuận phần dưới.

Năm kiết thuận phần trên là kiết tham sắc thuận phần trên, kiết tham vô sắc thuận phần trên, kiết trạo cử thuận phần trên, kiết mạn thuận phần trên, kiết vô minh thuận phần trên.

Năm kiến là hữu thân kiến, biên chấp kiến, tà kiến, kiến thủ và giới cấm thủ.

Sáu ái thân là ái thân do mắt tiếp xúc sinh ra, ái thân do tai-mũi-lưỡi-thân-ý chạm xúc sinh ra.

Bảy tùy miên là tùy miên dục tham, tùy miên giận dữ, tùy miên hữu tham, tùy miên mạn, tùy miên vô minh, tùy miên kiến và tùy miên nghi.

Chín kiết, là kiết ái, kiết giận dữ, kiết mạn, kiết vô minh, kiết kiến, kiết thủ, kiết nghi, kiết ganh tị và kiết keo kiệt.

Chín mươi tám tùy miên là ba mươi sáu tùy miên hệ thuộc cõi Dục. Hệ thuộc cõi Sắc-Vô sắc đều có ba mươi mốt tùy miên.

Hỏi: Ba kiết cho đến chín mươi tám tùy miên, có bao nhiêu bất thiện, bao nhiêu vô ký?

Đáp: Trong ba kiết là một vô ký, hai cần phân biệt; đó là kiết nghi và kiết giới cấm thủ, hoặc là bất thiện, hoặc là vô ký. Ở cõi Dục là bất thiện, ở cõi Sắc-Vô sắc là vô ký.

Ba căn bất thiện chỉ là bất thiện.

Trong ba lậu là một vô ký, hai cần phân biệt; đó là dục lậu, hoặc bất thiện, hoặc vô ký. Vô tầm-vô quý và tương ứng với chúng, là bất thiện. Pháp còn lại là vô ký.

Vô minh lậu hoặc bất thiện, hoặc vô ký. Tương ứng với vô tầm-vô quý là bất thiện, pháp còn lại là vô ký.

Trong bốn bực lưu có một vô ký, ba cần phân biệt; đó bực lưu dục, hoặc bất thiện, hoặc vô ký, vô tầm-vô quý và pháp tương ứng với chúng đều là bất thiện, pháp còn lại là vô ký.

Bực lưu kiến hoặc bất thiện, hoặc vô ký. Ba kiến thuộc cõi Dục là bất thiện. Hai kiến thuộc cõi Dục, năm kiến thuộc cõi Sắc-Vô sắc là vô ký.

Bực lưu vô minh hoặc bất thiện, hoặc vô ký, tương ứng với vô tầm-vô quý là bất thiện, pháp còn lại là vô ký. Như bốn bực lưu, bốn ách cũng vậy.

Trong bốn thủ có một vô ký, ba cần phân biệt đó là dục thủ bất thiện, hoặc vô ký.

Vô tầm-vô quý và tương ứng với chúng là bất thiện, pháp còn lại là vô ký.

Kiến thủ hoặc bất thiện, hoặc vô ký. Hai kiến thuộc cõi Dục là bất thiện. Hai kiến thuộc cõi Dục, bốn kiến thuộc cõi Sắc-Vô sắc là vô ký.

Giới cấm thủ hoặc bất thiện, hoặc vô ký. Thuộc cõi Dục là bất thiện, thuộc cõi Sắc -Vô sắc là vô ký.

Trong bốn trói buộc thân có hai bất thiện, hai cần phân biệt; đó là giới cấm thủ, sự trói buộc thân vì chấp thật hữu thân, ở cõi Dục là bất thiện, thuộc cõi Sắc -Vô sắc là vô ký.

Năm cái chỉ là bất thiện. Trong năm kiết có ba bất thiện, hai cần phân biệt; đó là kiết tham-kiết mạn, hoặc bất thiện, hoặc vô ký. Ở cõi Dục là bất thiện, thuộc ở cõi Sắc-Vô sắc là vô ký.

Năm kiết thuận phần dưới có hai bất thiện, một vô ký, hai cần phân biệt; đó là kiết giới cấm thủ-kiết nghi, hoặc bất thiện, hoặc vô ký. Ở cõi Dục là bất thiện. Ở cõi Sắc -Vô sắc là vô ký.

Năm kiết thuận phần trên chỉ là vô ký.

Trong năm kiến có hai là vô ký, ba cần phân biệt; đó là tà kiến, kiến thủ, kiến giới cấm thủ, hoặc bất thiện, hoặc vô ký. Ở cõi Dục là bất thiện, thuộc cõi Sắc -Vô sắc là vô ký.

Hai bất thiện trong sáu ái thân có hai bất thiện, bốn cần phân biệt đó là ái thân sinh ra do mắt-tai-thân tiếp xúc, hoặc bất thiện, hoặc vô ký. Ở cõi Dục là bất thiện, ở cõi Phạm thế là vô ký. Ý tiếp xúc sinh ra ái thân, hoặc bất thiện, hoặc vô ký. Ở cõi Dục là bất thiện, ở cõi Sắc-Vô sắc là vô ký.

Trong bảy tùy miên có hai bất thiện, một vô ký, bốn cần phân biệt; đó là tùy miên mạn-nghi, hoặc bất thiện, hoặc vô ký. Ở cõi Dục là bất thiện, ở cõi Sắc-Vô sắc là vô ký.

Tùy miên vô minh hoặc bất thiện, hoặc vô ký. Tương ứng với vô tầm-vô quý là bất thiện, pháp còn lại là vô ký.

Tùy miên kiến, hoặc bất thiện, hoặc vô ký. Ba kiến thuộc cõi Dục là bất thiện. Hai kiến thuộc cõi Dục, năm kiến thuộc cõi Sắc -Vô sắc là vô ký. Trong chín kiết có ba bất thiện, sáu cần phân biệt; đó là kiết ái-mạn-thủ-nghi, hoặc bất thiện, hoặc vô ký. Ở cõi Dục là bất thiện, ở cõi Sắc -Vô sắc là vô ký.

Kiết vô minh hoặc bất thiện, hoặc vô ký. Tương ứng với vô tầm-vô quý là bất thiện, pháp còn lại là vô ký.

Kiết kiến hoặc bất thiện, hoặc vô ký. Một kiến thuộc cõi Dục là bất thiện, hai kiến thuộc cõi Dục, ba kiến thuộc cõi Sắc -Vô sắc là vô ký.

Trong chín mươi tám tùy miên có ba mươi ba bất thiện, sáu mươi

bốn vô ký, một căn phân biệt; đó là tùy miên vô minh, thuộc cõi Dục do kiến khổ mà đoạn, hoặc bất thiện, hoặc vô ký. Tương ứng với vô tâm-vô quý là bất thiện, pháp còn lại là vô ký.

Hỏi: Ba kiết cho đến chín mươi tám tùy miên, bao nhiêu là có dị thực, bao nhiêu là không có dị thực?

Đáp: Các bất thiện thì có dị thực, các vô ký thì không có dị thực.

Hỏi: Ba kiết cho đến chín mươi tám tùy miên, có bao nhiêu do kiến mà đoạn, bao nhiêu do tu mà đoạn?

Đáp: Trong ba kiết thì kiết hữu thân kiến, kiến là hành đi trước, có hai trường hợp: Hoặc do kiến mà đoạn, hoặc do kiến tu mà đoạn.

Nếu hữu thân kiến hệ thuộc Phi tướng phi phi tướng xứ, tùy tín-tùy pháp hành, hiện quán biên khổ nhãn đoạn thì do kiến mà đoạn.

Ngoài ra, nếu phạm phu đoạn do tu mà đoạn, thì đệ tử của Thế Tôn đoạn do kiến mà đoạn. Như kiết hữu thân kiến-kiết hữu thân kiến trong năm kiết thuận phần dưới, hữu thân kiến, biên chấp kiến trong năm kiến cũng vậy.

Kiết giới cấm thủ-kiết nghi-kiến là hành đi trước, có hai trường hợp: Hoặc do kiến mà đoạn, hoặc do kiến tu đoạn. Nếu giới cấm thủ-nghi hệ thuộc Phi tướng phi phi tướng xứ, thì tùy tín-tùy pháp hành, hiện quán biên và các nhãn đoạn, là do kiến mà đoạn.

Ngoài ra nếu phạm phu đoạn do tu mà đoạn, thì đệ tử của Đức Thế Tôn đoạn do kiến mà đoạn. Như kiết giới cấm thủ-kiết nghi; bộc lưu kiến và ách kiến trong bốn bộc lưu-bốn ách; kiến thủ-giới cấm thủ trong bốn thủ; giới cấm thủ-trói buộc vì chấp thật có thân này trong bốn trói buộc thân; kiết giới cấm thủ và kiết nghi trong năm kiết thuận phần dưới; tà kiến-kiến thủ và giới cấm thủ trong năm kiến; kiến-nghi tùy miên trong bảy tùy miên; kiến-thủ và nghi trong chín kiết, cũng như vậy.

Căn bất thiện tham, lấy tu làm hạnh dẫn đầu, có hai trường hợp: Hoặc do tu mà đoạn, hoặc do kiến tu mà đoạn. Nếu căn bất thiện tham, học kiến tích các trí đoạn do tu mà đoạn. Ngoài ra, nếu phạm phu đoạn do tu mà đoạn, thì đệ tử của Đức Thế Tôn đoạn, là do kiến mà đoạn. Như căn bất thiện tham, căn bất thiện sân-si; dục lậu trong ba lậu, dục ách-dục bộc lưu trong bốn bộc lưu và bốn ách; dục thủ trong bốn thủ; tham sục-sân giận trói buộc thân trong bốn trói buộc thân; trừ ra ố tác-nghi còn lại các cái trong năm cái; kiết.

Kiết giận dữ trong năm kiết; kiết tham dục-giận dữ, trong năm kiết thuận phần dưới; tùy miên tham dục, tùy miên giận dữ trong bảy

tùy miên, kiết giận dữ trong chín kiết, cũng như vậy.

Hữu lậu-vô minh lậu, kiến là hành dẫn đầu, có ba trường hợp: Hoặc do kiến mà đoạn, hoặc do tu mà đoạn, hoặc do kiến- tu mà đoạn.

Nếu hữu lậu-vô minh lậu hệ thuộc Phi tướng phi phi tướng xứ, tùy tín-tùy pháp hành, hiện quán biên các nhãn đoạn, thì do kiến mà đoạn. Nếu hữu lậu-vô minh lậu, học kiến tích các trí đoạn, thì do tu mà đoạn. Ngoài ra, nếu phạm phu đoạn thì do tu mà đoạn, đệ tử của Đức Thế Tôn đoạn thì do kiến mà đoạn.

Như hữu lậu-vô minh lậu, hữu-vô minh bộc lưu-ách trong bốn bộc lưu-bốn ách ngã ngữ thủ trong bốn thủ, kiết tham-mạn trong năm kiết; ý tiếp xúc sinh ra ái thân trong sáu ái thân; tùy miên hữu tham-mạn-vô minh, trong bảy tùy miên; kiết ái mạn-vô minh trong chín kiết, cũng như vậy.

Cái ố tác do tu mà đoạn. Như cái ố tác; kiết ganh tị-kiết keo kiệt trong năm kiết; năm kiết thuận phần trên, năm ái thân trước trong sáu ái thân; kiết ganh tị-kiết keo kiệt trong chín kiết, cũng như vậy.

Cái nghi, nếu phạm phu đoạn thì do tu mà đoạn, đệ tử của Đức Thế Tôn đoạn thì do kiến mà đoạn. Trong chín mươi tám tùy miên có hai mươi tám loại do kiến mà đoạn, mười loại do tu đoạn; số tùy miên còn lại, nếu là phạm phu đoạn thì do tu mà đoạn, đệ tử của Đức Thế Tôn đoạn thì do kiến mà đoạn.

Hỏi: Ba kiết cho đến chín mươi tám tùy miên, có bao nhiêu loại do kiến khổ mà đoạn, cho đến có bao nhiêu loại do tu mà đoạn?

Đáp: Trong ba kiết thì kiết hữu thân kiến do kiến khổ mà đoạn. Như kiết hữu thân kiến; kiết hữu thân kiến trong năm kiết thuận phần dưới. Hữu thân kiến và biên chấp kiến trong năm kiến, cũng như vậy.

Kiết giới cấm thủ có hai loại: Hoặc do kiến khổ mà đoạn, hoặc do kiến đạo mà đoạn. Như kiết giới cấm thủ; giới cấm thủ trong bốn thủ; giới cấm thủ trói buộc thân trong bốn trói buộc thân; kiết giới cấm thủ trong năm kiết thuận phần dưới; giới cấm thủ trong năm kiến cũng như vậy.

Kiết nghi có bốn loại: Hoặc do kiến khổ mà đoạn, cho đến hoặc do kiến đạo mà đoạn. Như kiết nghi; ách-bộc lưu kiến trong bốn ách và bốn bộc lưu; kiến thủ trong bốn thủ; cái nghi trong năm cái; trói buộc thân do chấp thân này thật có trong bốn trói buộc thân, kiết nghi trong năm kiết thuận phần dưới, tà kiến, kiến thủ trong năm kiến, tùy miên nghi-kiết trong bảy tùy miên; kiết nghi-kiết kiến- thủ trong chín kiết cũng như vậy.

Ba căn bất thiện có năm loại: Hoặc do kiến khổ mà đoạn, cho đến hoặc do tu mà đoạn. Như ba căn bất thiện; ba lậu và trừ ra kiến còn lại các bậc ách trong bốn bậc lưu-bốn ách; dục thủ ngã ngữ thủ trong bốn thủ, trói buộc thân do tham dục, giận dữ trong bốn trói buộc thân; trừ ra ố tác-nghi còn lại các cái trong năm cái; kiết tham-giận-mạn trong năm kiết; kiết tham dục-giận dữ trong năm kiết thuận phần dưới; ý tiếp xúc sinh ra ái thân trong sáu ái thân; trừ ra kiến-nghi còn lại các tùy miên trong bảy tùy miên; kiết vô minh-ái-giận dữ-mạn trong chín kiết, cũng như vậy.

Cái ố tác do tu mà đoạn. Như cái ố tác, kiết ganh tị-kiết keo kiệt trong năm kiết; năm kiết thuận phần trên, năm ái thân trước trong sáu ái thân, kiết ganh tị-kiết keo kiệt trong chín kiết, cũng như vậy.

Trong chín mươi tám tùy miên có hai mươi tám loại do kiến khổ mà đoạn, mười chín loại do kiến tập mà đoạn, mười chín loại do kiến diệt mà đoạn, hai mươi hai loại do kiến đạo mà đoạn, mười loại do tu mà đoạn.

Hỏi: Ba kiết cho đến chín mươi tám tùy miên, có bao nhiêu kiến, bao nhiêu phi kiến?

Đáp: Trong ba kiết có hai kiến, một phi kiến. Ba căn bất thiện đều là phi kiến. Trong ba lậu có một phi kiến, hai loại cần phân biệt, đó là dục lậu: Hoặc kiến, hoặc phi kiến. Năm kiến thuộc cõi Dục là kiến, còn lại là phi kiến.

Hữu lậu hoặc kiến, hoặc phi kiến. Năm kiến của cõi Sắc-Vô sắc là kiến, còn lại là phi kiến. Trong bốn bậc lưu và bốn ách có một kiến, ba phi kiến. Trong bốn thứ và bốn trói buộc thân đều có hai kiến, hai phi kiến. Năm cái và năm kiết đều là phi kiến. Trong năm kiết thuận phần dưới có hai kiến, ba phi kiến. Năm kiết thuận phần trên đều là phi kiến. Năm kiến đều là kiến. Sáu ái thân đều là phi kiến. Trong bảy tùy miên có một kiến và sáu phi kiến. Trong chín kiến có hai kiến và bảy phi kiến. Trong chín mươi tám tùy miên có ba mươi sáu loại là kiến, sáu mươi hai loại là phi kiến.

Hỏi: Ba kiết cho đến chín mươi tám tùy miên, bao nhiêu loại có tầm-có tứ? Bao nhiêu loại không có tầm, chỉ có tứ? Bao nhiêu loại không có tầm-không có tứ?

Đáp: Ba kiết hệ thuộc ba loại. Ba căn bất thiện và dục lậu là có tầm có tứ. Hữu lậu-vô minh lậu, trừ ra dục bậc lưu ách-thủ, còn lại các bậc-ách-thủ hệ thuộc ba loại. Dục bậc lưu-ách và dục thủ là có tầm-có tứ. Ba thủ còn lại cùng ba trói buộc thân là có tầm có tứ. Hai trói buộc

thân còn lại hệ thuộc ba loại. Năm cái và ba kiết có tầm-có tứ. Hai kiết còn lại và ba kiết thuận phần dưới hệ thuộc ba loại. Hai kiết thuận phần dưới còn lại có tầm-có tứ. Trong năm kiết thuận phần trên; tham vô sắc là không có tầm-không có tứ. Bốn kiết thuận phần trên còn lại, cùng với năm kiến gồm đủ ba loại. Năm ái thân trước và tùy miên tham dục-giận dữ thì có tầm-có tứ.

Ái thân thứ sáu và năm tùy miên còn lại gồm đủ ba loại. Kiết giận dữ, kiết ganh tị-kiết keo kiệt trong chín kiết là có tầm-có tứ. Sáu kiết còn lại hệ thuộc ba loại. Trong chín mười tám loại tùy miên; ba mươi sáu thứ thuộc cõi Dục là có tầm-có tứ. Ba mươi một loại thuộc cõi Sắc hệ thuộc ba loại. Ba mươi một loại thuộc cõi Vô sắc thì không có tầm-không có tứ.

Hỏi: Ba kiết cho đến chín mười tám tùy miên, có bao nhiêu tương ứng với lạc căn, bao nhiêu tương ứng với khổ căn-hỷ căn-ưu căn-xả căn?

Đáp: Trong ba kiết, kiết hữu thân kiến và kiết giới cấm thủ tương ứng với ba căn, trừ khổ căn-ưu căn. Kiết nghi tương ứng với bốn căn, trừ khổ căn. Căn bất thiện tham tương ứng với ba căn, trừ khổ căn-ưu căn. Căn bất thiện sân tương ứng với ba căn, trừ lạc căn-hỷ căn. Trong ba căn bất thiện, căn bất thiện si và dục lậu, vô minh lậu tương ứng với năm căn; hữu lậu tương ứng với ba căn trừ khổ căn-ưu căn. Trong bốn bậc lưu-bốn ách, dục và vô minh bậc lưu-ách tương ứng với năm căn. Ách-bậc lưu hữu tương ứng với ba căn, trừ khổ căn-ưu căn. Ách-bậc lưu kiến tương ứng với bốn căn, trừ khổ căn. Dục thủ trong bốn thủ tương ứng với năm căn. Kiến thủ tương ứng với bốn căn, trừ khổ căn. Giới cấm thủ và ngã ngữ thủ tương ứng với ba căn, trừ khổ căn-ưu căn.

Trói buộc thân do giận dữ tương ứng với ba căn, trừ lạc căn-hỷ căn. Ba trói buộc thân còn lại và cái tham dục tương ứng với ba căn, trừ khổ căn-ưu căn. Cái giận dữ tương ứng với ba căn, trừ lạc căn-hỷ căn. Cái hôn trầm- trạo cử tương ứng với năm căn. Cái thùy miên tương ứng với ba căn, trừ lạc căn-khổ căn. Cái nghi-ố tác tương ứng với hai căn, là ưu căn và xả căn.

Kiết tham-mạn trong năm kiết tương ứng với ba căn, trừ khổ căn-ưu căn. Kiết giận dữ tương ứng với ba căn, trừ lạc căn-hỷ căn. Kiết ganh tị tương ứng với hai căn là ưu căn-xả căn. Kiết keo kiệt tương ứng với hai căn, là hỷ căn và xả căn.

Kiết giận dữ trong năm kiết thuận phần dưới tương ứng với ba căn, trừ lạc căn-hỷ căn.

Kiết nghi tương ứng với bốn căn, trừ khổ căn. Ba kiết còn lại tương ứng với ba căn, trừ khổ căn-ưu căn. Kiết tham vô sắc trong năm kiết thuận phần trên tương ứng với một căn là xả căn. Bốn kiết còn lại và bốn kiến tương ứng với ba căn, trừ khổ căn-ưu căn.

Tà kiến tương ứng với bốn căn, trừ khổ căn. Năm ái thân trước trong sáu ái thân tương ứng với hai căn, là lạc căn và xả căn. Ái thân thứ sáu và tùy miên dục-hữu tham-mạn tương ứng với ba căn, trừ khổ căn-ưu căn.

Tùy miên giận dữ tương ứng với ba căn, trừ lạc căn-hỷ căn.

Tùy miên nghi-kiến tương ứng với bốn căn, trừ khổ căn. Tùy miên vô minh tương ứng với năm căn. Kiết ái, mạn, thủ trong chín kiết tương ứng với ba căn, trừ khổ căn-ưu căn.

Kiết giận dữ tương ứng với ba căn, trừ lạc căn-hỷ căn. Kiết vô minh tương ứng với năm căn. Kiết nghi-kiến, tương ứng với bốn căn, trừ khổ căn.

Kiết ganh tị tương ứng với hai căn, là ưu căn và xả căn. Kiết keo kiệt tương ứng với hai căn, là hỷ căn và xả căn. Trong chín mười tám tùy miên bốn kiến mạn của cõi Dục và tham do kiến mà đoạn tương ứng với hai căn, là hỷ căn và xả căn. Nghi và giận dữ, do kiến mà đoạn, tương ứng với hai căn, là ưu căn và xả căn. Tà kiến và vô minh, do kiến mà đoạn, tương ứng với ba căn, trừ lạc căn-khổ căn.

Tham do tu mà đoạn tương ứng với ba căn, trừ khổ căn-ưu căn. Sân tương ứng với ba căn, trừ lạc căn-hỷ căn. Vô minh tương ứng với năm căn.

Ba mươi một tùy miên thuộc cõi Sắc tương ứng với ba căn, trừ ưu căn-khổ căn. Ba mươi một tùy miên thuộc cõi Vô sắc tương ứng với một căn là xả căn.

Hỏi: Ba kiết cho đến chín mười tám tùy miên, có bao nhiêu loại hệ thuộc cõi Dục, bao nhiêu loại hệ thuộc cõi Sắc, bao nhiêu loại hệ thuộc cõi Vô sắc?

Đáp: Ba kiết hệ thuộc ba cõi. Ba căn bất thiện và dục lậu hệ thuộc cõi Dục. Hữu lậu có hai cõi, hoặc hệ thuộc cõi Sắc, hoặc hệ thuộc cõi Vô sắc. Vô minh lậu hệ thuộc ba cõi. Dục bộc lưu-ách và dục thủ hệ thuộc cõi Dục. Hữu bộc lưu-ách và ngã ngữ thủ hệ thuộc hai cõi; hoặc hệ thuộc cõi Sắc, hoặc hệ thuộc cõi Vô sắc. Ách-bộc lưu còn lại và hai thủ còn lại hệ thuộc ba cõi.

Tham dục-giận dữ trong bốn thứ trói buộc thân và năm cái hệ thuộc cõi Dục. Hai thứ trói buộc thân còn lại hệ thuộc ba cõi. Tham-mạn



trong năm kiết và ba kiết thuận phần dưới hệ thuộc ba cõi. Ba kiết còn lại và tham dục-giận dữ trong kiết thuận phần dưới hệ thuộc cõi Dục. Tham sắc trong năm kiết thuận phần trên hệ thuộc cõi Sắc, tham vô sắc hệ thuộc cõi Vô sắc. Ba kiết còn lại hệ thuộc hai cõi; hoặc hệ thuộc cõi Sắc, hoặc hệ thuộc cõi Vô sắc. Năm kiến và ái thân thứ sáu hệ thuộc ba cõi. Ái thân sinh ra do sự tiếp xúc của mắt-tai-thân hệ thuộc hai cõi; hoặc hệ thuộc cõi Dục, hoặc hệ thuộc cõi Sắc. Sự tiếp xúc của mũi-lưỡi sinh ra ái thân hệ thuộc cõi Dục. Dục tham-giận dữ trong bảy tùy miên hệ thuộc cõi Dục. Hữu tham hệ thuộc hai cõi; hoặc hệ thuộc cõi Sắc, hoặc hệ thuộc cõi Vô sắc. Các tùy miên còn lại hệ thuộc ba cõi.

Kiến giận dữ, kiết ganh tị-kiết keo kiệt trong chín kiết hệ thuộc cõi Dục. Các kiết còn lại hệ thuộc ba cõi.

Trong chín mươi tám tùy miên ba mươi sáu loại hệ thuộc cõi Dục, ba mươi một loại hệ thuộc cõi Sắc, ba mươi một loại hệ thuộc cõi Vô sắc.

Hỏi: Các kiết rơi vào cõi Dục thì kiết đó thuộc về cõi Dục chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu để biện giải:

1. Có kiết rơi vào cõi Dục thì kiết đó không thuộc về cõi Dục. Nghĩa là bị triền ràng buộc, mất ở cõi Sắc, trung hữu cõi Dục dấy khởi ác ma ở cõi Phạm thế, vì bị triền ràng buộc, nên trách chống Như Lai.

2. Có kiết ở cõi Dục, kiết đó không rơi vào cõi Dục. Nghĩa là bị triền ràng buộc, mất ở cõi Dục, trung hữu cõi sắc dấy lên và trụ vào cõi Dục, kiết của cõi Sắc-Vô sắc hiện ở trước mắt.

3. Có kiết rơi vào cõi Dục mà kiết ấy cũng ở cõi Dục. Nghĩa là bị triền ràng buộc, mất ở cõi Dục, khởi hữu, sinh hữu thuộc cõi Dục và trụ về cõi Dục, kiết của cõi Dục hiện ở trước mắt.

4. Có kiết không rơi vào cõi Dục mà kiết đó cũng không thuộc về cõi Dục. Nghĩa là bị triền ràng buộc, mất ở cõi Sắc, sinh hữu-trung hữu cõi sắc dấy lên; mất ở cõi sắc sinh vào cõi Vô sắc, ở cõi Vô sắc mất, sinh vào cõi Vô sắc; mất ở cõi Vô sắc, sinh vào cõi Sắc và trụ vào cõi Sắc, kiết của cõi Sắc-Vô sắc hiện ở trước mắt. Trụ vào cõi Vô sắc, kiết của cõi Vô sắc hiện ở trước mắt.

Hỏi: Các kiết rơi vào cõi Sắc thì kiết đó thuộc về cõi Sắc chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu để biện giải:

1. Có kiết rơi vào cõi Sắc mà kiết đó không thuộc về cõi Sắc. Nghĩa là bị triền ràng buộc, mất ở cõi Dục, trung hữu cõi Sắc dấy khởi và trụ vào cõi Dục, kiết của cõi Sắc hiện ở trước mắt.

2. Có kiết thuộc ở cõi Sắc mà kiết ấy không rơi vào cõi Sắc. Nghĩa là bị triển ràng buộc, mất ở cõi Sắc, trung hữu cõi Dục dấy khởi và ác ma ở cõi Phạm thế, vì bị triển ràng buộc, nên trách chống Như Lai, và trụ vào cõi Sắc, kiết của cõi Vô sắc hiện ở trước trước.

3. Có kiết rơi vào cõi Sắc mà kiết ấy cũng thuộc về cõi Sắc. Nghĩa là bị triển ràng buộc, mất ở cõi Sắc, trung hữu và sinh hữu cõi Sắc dấy khởi trụ vào cõi Sắc, kiết của cõi Sắc hiện ở trước mắt.

4. Có kiết không rơi vào cõi Sắc mà cũng không thuộc về cõi Sắc. Nghĩa là bị triển ràng buộc, mất ở cõi Dục, trung hữu và sinh hữu cõi Dục dấy khởi, mất ở cõi Dục, sinh vào cõi Vô sắc, mất ở cõi Vô sắc, sinh vào cõi Vô sắc, mất vào cõi Vô sắc, sinh vào cõi Dục, và trụ ở cõi Dục, kiết của cõi Dục-vô sắc hiện ở trước mắt, trụ vào cõi Vô sắc thì kiết cõi Vô sắc hiện ở trước mắt.

Hỏi: Các kiết rơi vào cõi Vô sắc thì kiết đó thuộc về cõi Vô sắc chăng?

Đáp: Các kiết thuộc về cõi Vô sắc thì kiết ấy rơi vào cõi Vô sắc. Có kiết rơi vào cõi Vô sắc mà kiết đó không thuộc về cõi Vô sắc. Nghĩa là trụ vào cõi Dục-Sắc mà kiết cõi Vô sắc hiện ở trước mắt.

Hỏi: Các kiết không rơi vào cõi Dục thì kiết đó không thuộc về cõi Dục chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu để biện giải: Ngược lại với điều đã trình bày trên, nên nhận biết.

Hỏi: Các kiết không rơi vào cõi Sắc thì kiết đó không thuộc về cõi Sắc chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu để biện giải: Ngược lại với điều đã trình bày trên, nên nhận biết.

Hỏi: Các kiết không rơi vào cõi Vô sắc thì kiết đó không thuộc về thuộc cõi Vô sắc chăng?

Đáp: Đúng thế. Có kiết không thuộc về cõi Vô sắc mà kiết ấy đều rơi vào cõi Vô sắc. Nghĩa là trụ vào cõi Dục, cõi Sắc, kiết của cõi Vô sắc hiện ở trước mắt.

Hỏi: Đệ tử của Đức Thế Tôn đầy đủ các kiến mà các sắc chưa đoạn thì bị sắc kia trói buộc chăng?

Đáp: Đúng thế.

Hỏi: Giả sử bị sắc trói buộc thì sắc đó chưa đoạn chăng?

Đáp: Đúng thế.

Hỏi: Các thọ-tưởng-hành-thức chưa đoạn thì bị thọ-tưởng-hành-thức ấy trói buộc chăng?

Đáp: Đúng thế. Có thọ-tưởng-hành-thức trói buộc, nhưng thọ-tưởng-hành-thức ấy không phải là chưa đoạn, gọi là gia gia, hoặc nhất lai, hoặc nhất gian. Cõi Dục do tu mà đoạn kiết thuộc phẩm trung thượng, đã đoạn biết khắp, nhưng thọ-tưởng-hành-thức tương ứng kia thuộc về kiết phẩm hạ.

Hỏi: Độ tử của Đức Thế Tôn đầy đủ các kiến mà các sắc đã đoạn thì sắc ấy lìa xa trói buộc chăng?

Đáp: Đúng thế.

Hỏi: Giả sử sắc lìa xa trói buộc thì sắc đó đã đoạn chăng?

Đáp: Đúng thế.

Hỏi: Các thọ-tưởng-hành-thức đã đoạn, thì thọ-tưởng-hành-thức ấy lìa xa trói buộc chăng?

Đáp: Các thọ-tưởng-hành-thức lìa xa trói buộc, thì thọ-tưởng-hành-thức ấy đã đoạn. Có thọ-tưởng-hành-thức đã đoạn mà không phải là lìa xa trói buộc, gọi là gia gia, hoặc nhất lai, hoặc nhất gian. Cõi Dục do tu mà đoạn kiết thuộc phẩm trung-thượng, đã đoạn biết khắp, nhưng thọ-tưởng-hành-thức tương ứng kia thuộc về kiết phẩm hạ.

Hỏi: Có năm Bồ-đặc-già-la; đó là tùy tín hành, tùy pháp hành, tín thắng giải, kiến chí, thân chứng. Năm Bồ-đặc-già-la này, đối với ba kiết, cho đến chín mười tám tùy miên, có bao nhiêu thành tựu, bao nhiêu không thành tựu?

Đáp: Tùy tín hành, đối với ba kiết, khổ loại trí chưa và đã sinh đều thành tựu; khổ loại trí đã sinh có hai thành tựu, một không thành tựu.

Đối với ba căn bất thiện, chưa lìa dục nhiễm đều thành tựu, đã lìa dục nhiễm đều không thành tựu.

Đối với ba lậu, chưa lìa dục nhiễm đều thành tựu, đã lìa dục nhiễm có hai thành tựu, một không thành tựu.

Đối với bốn ách-bộc lưu, thủ, chưa lìa dục nhiễm thì đều thành tựu, đã lìa dục nhiễm có ba thành tựu, một không thành tựu.

Đối với bốn sự trói buộc thân, chưa lìa dục nhiễm đều thành tựu, đã lìa dục nhiễm có hai thành tựu, hai không thành tựu.

Đối với năm cái, chưa lìa dục nhiễm, đạo pháp trí chưa và đã sinh đều thành tựu, đạo pháp trí đã sinh có bốn thành tựu, một không thành tựu. Đã lìa dục nhiễm đều không thành tựu.

Đối với năm kiết, chưa lìa dục nhiễm đều thành tựu, đã lìa dục nhiễm có hai thành tựu, ba không thành tựu.

Đối với năm kiết thuận phần dưới, chưa lìa dục nhiễm, khổ loại trí chưa và đã sinh đều thành tựu, khổ loại trí đã sinh có bốn thành tựu,

một không thành tựu. Đã lia dục nhiễm, khổ loại trí chưa và đã sinh có ba thành tựu, hai không thành tựu, khổ loại trí đã sinh có hai thành tựu, ba không thành tựu.

Đối với năm kiết thuận phần trên, chưa lia sắc nhiễm đều thành tựu. Đã lia sắc nhiễm có bốn thành tựu, một không thành tựu.

Đối với năm kiến, khổ loại trí chưa và đã sinh thì đều thành tựu, khổ loại trí đã sinh ba thành tựu, hai không thành tựu.

Đối với sáu ái thân, chưa lia dục nhiễm đều thành tựu; đã lia dục nhiễm mà chưa lia xa nhiễm của cõi Phạm thế có bốn thành tựu, hai không thành tựu; đã lia xa nhiễm của cõi Phạm thế, thì có một thành tựu, năm không thành tựu.

Đối với bảy tùy miên, chưa lia dục nhiễm đều thành tựu, đã lia dục nhiễm thì có năm thành tựu, hai không thành tựu.

Đối với chín kiết, chưa lia dục nhiễm đều thành tựu, đã lia dục nhiễm thì có sáu thành tựu, ba không thành tựu.

Đối với chín mươi tám tùy miên chưa lia dục nhiễm, khổ pháp trí chưa và đã sinh đều thành tựu; khổ pháp trí đã sinh, khổ loại trí chưa và đã sinh, do kiến khổ mà đoạn thuộc cõi Dục đều không thành tựu, còn lại đều thành tựu.

Khổ loại trí đã sinh mà tập pháp trí chưa và đã sinh, do kiến khổ mà đoạn thuộc ba cõi đều không thành tựu, còn lại đều thành tựu.

Tập pháp trí đã sinh mà tập loại trí chưa và đã sinh, do kiến khổ mà đoạn thuộc ba cõi, và do kiến tập mà đoạn thuộc cõi Dục đều không thành tựu, còn lại đều thành tựu.

Tập loại trí đã sinh, diệt pháp trí chưa và đã sinh, do kiến khổ-tập mà đoạn thuộc ba cõi đều không thành tựu, còn lại thì đều thành tựu.

Diệt pháp trí đã sinh, diệt loại trí chưa và đã sinh, do kiến khổ-tập mà đoạn thuộc ba cõi và do kiến diệt mà đoạn thuộc cõi Dục đều không thành tựu, còn lại đều thành tựu.

Diệt loại trí đã sinh, đạo pháp trí chưa và đã sinh, do kiến khổ-tập-diệt mà đoạn thuộc ba cõi đều không thành tựu, còn lại đều thành tựu.

Đạo pháp trí đã sinh, do kiến khổ-tập-diệt mà đoạn nơi ba cõi, và do kiến đạo mà đoạn thuộc cõi Dục đều không thành tựu, còn lại đều thành tựu.

Đã lia dục nhiễm, chưa lia sắc nhiễm, khổ loại trí chưa và đã sinh, thuộc cõi Dục tất cả không thành tựu, còn lại đều thành tựu.

Khổ loại trí đã sinh mà tập loại trí chưa và đã sinh, tất cả thuộc cõi Dục và do kiến khổ mà đoạn thuộc cõi Sắc-Vô sắc đều không thành

tự, còn lại đều thành tự.

Tập loại trí đã sinh, diệt loại trí chưa và đã sinh, tất cả thuộc cõi Dục và do kiến khổ-tập mà đoạn thuộc cõi Sắc-Vô sắc đều không thành tự, còn lại đều thành tự.

Diệt loại trí đã sinh, tất cả thuộc cõi Dục, do kiến khổ-tập-diệt, đoạn thuộc cõi Sắc-Vô sắc đều không thành tự, còn lại đều thành tự.

Đã lìa sắc nhiễm, khổ loại trí chưa và đã sinh, tất cả thuộc cõi Dục, Sắc đều không thành tự, còn lại đều thành tự.

Diệt loại trí đã sinh mà tập loại trí chưa và đã sinh, tất cả thuộc cõi Dục và cõi Sắc-Vô sắc do kiến khổ mà đoạn đều không thành tự, còn lại đều thành tự.

Tập loại trí đã sinh, diệt loại trí chưa và đã sinh, hết thấy thuộc cõi Dục, cõi Sắc và cõi Vô sắc do kiến khổ-tập mà đoạn không thành tự, còn lại đều thành tự.

Diệt loại trí đã sinh, hết thấy thuộc cõi Dục-cõi Sắc và cõi Vô sắc do kiến khổ-tập-diệt mà đoạn không thành tự, còn lại đều thành tự. Như tùy tín hành, tùy pháp hành cũng vậy.

Tín thắng giải đối với ba kiết đều không thành tự. Đối với ba căn bất thiện, chưa lìa dục nhiễm đều thành tự, đã lìa dục nhiễm thì đều không thành tự.

Đối với ba lậu, chưa lìa dục nhiễm đều thành tự, đã lìa dục nhiễm thì có hai thành tự, một không thành tự.

Đối với bốn ách-bộc lưu, chưa lìa dục nhiễm có ba thành tự, một không thành tự; đã lìa dục nhiễm có hai thành tự, hai không thành tự.

Đối với bốn thủ, chưa lìa dục nhiễm có hai thành tự, hai không thành tự; đã lìa dục nhiễm có một thành tự, ba không thành tự.

Đối với bốn sự trói buộc thân, chưa lìa dục nhiễm có hai thành tự, hai không thành tự; đã lìa dục nhiễm đều không thành tự.

Đối với năm cái, chưa lìa dục nhiễm có bốn thành tự, một không thành tự; đã lìa dục nhiễm đều không thành tự.

Đối với năm kiết, chưa lìa dục nhiễm đều thành tự, đã lìa dục nhiễm có hai thành tự, ba không thành tự.

Đối với năm kiết thuận phần dưới, chưa lìa dục nhiễm có hai thành tự, ba không thành tự; đã lìa dục nhiễm đều không thành tự.

Đối với năm kiết thuận phần trên, chưa lìa sắc nhiễm đều thành tự, đã lìa sắc nhiễm có bốn thành tự, một không thành tự.

Đối với năm kiến đều không thành tựu.

Đối với sáu ái thân, chưa lìa dục nhiễm đều thành tựu, đã lìa dục nhiễm, nhưng chưa lìa xa nhiễm của cõi Phạm thế thì có bốn thành tựu, hai không thành tựu. Đã lìa nhiễm của cõi Phạm thế thì có một thành tựu, năm không thành tựu.

Đối với bảy tùy miên, chưa lìa dục nhiễm có năm thành tựu, hai không thành tựu; đã lìa dục nhiễm có ba thành tựu, bốn không thành tựu.

Đối với chín kiết, chưa lìa dục nhiễm có sáu thành tựu, ba không thành tựu; đã lìa dục nhiễm có ba thành tựu, sáu không thành tựu.

Đối với chín mười tám tùy miên, chưa lìa dục nhiễm thì có mười thành tựu, tám mười tám không thành tựu. Đã lìa dục nhiễm, nhưng chưa lìa sắc nhiễm thì có sáu thành tựu, chín mười hai không thành tựu. Đã lìa sắc nhiễm thì có ba thành tựu, chín mười lăm không thành tựu.

Như Tín thắng giải, Kiến chí cũng vậy.

Thân chứng đối với ba kiết và ba căn bất thiện đều không thành tựu.

Đối với ba lậu thì có hai thành tựu, một không thành tựu.

Đối với bốn ách-bộc lưu thì có hai thành tựu, hai không thành tựu.

Đối với bốn thủ thì có một thành tựu, ba không thành tựu.

Đối với bốn sự trói buộc thân và năm cái đều không thành tựu.

Đối với năm kiết thì có hai thành tựu, ba không thành tựu.

Đối với năm kiết thuận phần dưới đều không thành tựu.

Đối với năm kiết thuận phần trên thì có bốn thành tựu, một không thành tựu.

Đối với năm kiến đều không thành tựu.

Đối với sáu ái thân thì có một thành tựu, năm không thành tựu.

Đối với bảy tùy miên thì có ba thành tựu, bốn không thành tựu.

Đối với chín kiết thì có ba thành tựu, sáu không thành tựu.

Đối với chín mười tám tùy miên thì có ba thành tựu, chín mười lăm không thành tựu.

Hỏi: Hữu thân kiến với hữu thân kiến có bao nhiêu duyên? Hữu thân kiến với giới cấm thủ, cho đến tùy miên vô minh thuộc cõi Vô sắc do tu mà đoạn có bao nhiêu duyên? Cho đến tùy miên vô minh thuộc cõi Vô sắc do tu mà đoạn cùng với tùy miên vô minh thuộc cõi Vô sắc do tu mà đoạn, có bao nhiêu duyên? Tùy miên vô minh thuộc cõi Vô sắc do tu mà đoạn, cùng với hữu thân kiến, cho đến, cho đến tùy miên

mạn thuộc cõi Vô sắc do tu mà đoạn có bao nhiêu duyên?

Đáp: Hữu thân kiến với hữu thân kiến hoặc là bốn-ba-hai-một duyên.

Thế nào là bốn? Như hữu thân kiến vô gián, khởi lên hữu thân kiến, tức là tư duy thuộc đời trước đó cùng với đời sau là bốn duyên.

Thế nào là ba? Như hữu thân kiến vô gián, khởi lên hữu thân kiến, không tư duy về đời trước đó cùng với đời sau là ba duyên, trừ ra sở duyên. Hoặc hữu thân kiến vô gián khởi lên tâm khác, về sau khởi lên hữu thân kiến, tức là tư duy hữu về đời trước đó cùng với đời sau là ba duyên, trừ đẳng vô gián.

Thế nào là hai? Như hữu thân kiến vô gián khởi lên tâm khác, về sau khởi lên hữu thân kiến, không tư duy hữu về đời trước đó cùng với đời sau là hai duyên, gọi là nhân tăng thượng.

Thế nào là một? Như hữu thân kiến của đời sau, với hữu thân kiến của đời trước, nếu làm thành sở duyên là sở duyên tăng thượng, không làm thành sở duyên thì chỉ một tăng thượng.

Hữu thân kiến vị lai với hữu thân kiến quá khứ-hiện tại, nếu làm thành sở được duyên là sở duyên tăng thượng, nếu không làm thành sở duyên thì chỉ một tăng thượng.

Hữu thân kiến vị lai, hiện tại với hữu thân kiến quá khứ, nếu làm thành sở duyên là sở duyên tăng thượng, không làm thành sở duyên thì chỉ một tăng thượng.

Hữu thân kiến thuộc cõi Dục với hữu thân kiến của cõi Sắc-Vô sắc là một tăng thượng.

Hữu thân kiến thuộc cõi Sắc-Vô sắc với hữu thân kiến thuộc cõi Dục, nếu làm thành đẳng vô gián là đẳng vô gián tăng thượng, nếu không làm thành đẳng vô gián thì chỉ một tăng thượng.

Hữu thân kiến thuộc cõi Sắc với hữu thân kiến thuộc cõi Vô sắc là một tăng thượng.

Hữu thân kiến thuộc cõi Vô sắc với hữu thân kiến thuộc cõi Sắc, nếu làm thành đẳng vô gián là đẳng vô gián tăng thượng, không làm thành đẳng vô gián thì chỉ một tăng thượng. Như hữu thân kiến với hữu thân kiến; nên biết; hữu thân kiến cùng với tất cả không phải biến hành khác; tất cả không phải biến hành khác cùng với tất cả không phải biến hành, tất cả biến hành cùng với tất cả không phải biến hành cũng vậy.

Hữu thân kiến với giới cấm thủ hoặc là bốn-ba-hai-một duyên.

Thế nào là bốn? Như hữu thân kiến vô gián khởi lên giới cấm thủ, tức là tư duy về đời trước đó với đời sau là bốn duyên.



Thế nào là ba? Hữu thân kiến vô gián khởi lên giới cấm thủ, không tư duy về đời trước đó và đời sau là ba duyên, trừ ra sở duyên. Hoặc hữu thân kiến vô gián khởi lên tâm khác, về sau khởi lên giới cấm thủ, không tư duy về đời trước kia với đời sau là ba duyên, trừ đẳng vô gián.

Thế nào là hai? Như hữu thân kiến vô gián khởi lên tâm khác, về sau khởi lên giới cấm thủ, không tư duy về đời trước kia với đời sau là hai duyên, gọi là nhân tăng thượng.

Thế nào là một? Về sau hữu thân kiến thuộc đời sau với giới cấm thủ thuộc đời trước, nếu làm thành sở duyên là sở duyên tăng thượng, không làm thành sở duyên thì chỉ một tăng thượng.

Hữu thân kiến vị lai với giới cấm thủ của quá khứ-hiện tại, nếu làm thành sở duyên là sở duyên tăng thượng, không làm thành sở duyên thì chỉ một tăng thượng.

Hữu thân kiến vị lai-hiện tại với giới cấm thủ của quá khứ, nếu làm thành sở duyên là sở duyên tăng thượng, không làm thành sở duyên thì chỉ một tăng thượng.

Hữu thân kiến thuộc cõi Dục với giới cấm thủ thuộc cõi Sắc-Vô sắc, là một tăng thượng.

Hữu thân kiến của cõi Sắc-Vô sắc với giới cấm thủ thuộc cõi Dục, nếu làm thành sở duyên không phải đẳng vô gián là sở duyên tăng thượng; nếu làm thành đẳng vô gián chứ không phải sở duyên, là đẳng vô gián sở duyên tăng thượng. Nếu làm thành đẳng vô gián và sở duyên, là đẳng vô gián sở duyên tăng thượng, không làm thành đẳng vô gián và sở duyên thì chỉ một tăng thượng.

Hữu thân kiến thuộc cõi Sắc cùng với giới cấm thủ của cõi Vô sắc là một tăng thượng. Hữu thân kiến thuộc cõi Vô sắc với giới cấm thủ thuộc cõi Sắc, nếu tạo sở duyên không phải đẳng vô gián, là sở duyên tăng thượng. Nếu làm thành đẳng vô gián chứ không phải sở duyên là đẳng vô gián tăng thượng. Nếu làm thành đẳng vô gián và sở duyên, là đẳng vô gián sở duyên tăng thượng, nếu không làm thành đẳng vô gián và sở duyên là một tăng thượng.

Như hữu thân kiến cùng với giới cấm thủ, nên biết hữu thân kiến với tất cả biến hành khác; tất cả biến hành cùng với tất cả biến hành; tất cả chẳng phải biến hành khác với tất cả biến hành cũng vậy.

-----



**Phẩm 2: BÀN VỀ NHẤT HÀNH**, Phần 1

*Kiết, một hành trải qua sáu loại,  
Bảy tiểu-bảy đại thuộc về hữu,  
Dựa vào đạo biết khắp tất cả,  
Nghĩa chương này xin nói đầy đủ.*

Có chín kiết, là kiết ái cho đến kiết keo kiết.

Hỏi: Nếu đối với sự việc này, có kiết ái trói buộc thì cũng có kiết giận dữ trói buộc chăng?

Đáp: Nếu đối với sự việc này, có kiết giận dữ trói buộc, thì chắc chắn có kiết ái trói buộc. Hoặc có kiết ái trói buộc mà không có kiết giận dữ trói buộc, nghĩa là đối với pháp cội Sắc-Vô sắc có kiết ái chưa đoạn.

Hỏi: Nếu đối với sự việc này, có kiết ái trói buộc thì cũng có kiết mạn trói buộc chăng?

Đáp: Đúng thế.

Hỏi: Giả sử có kiết mạn trói buộc thì cũng có kiết ái trói buộc chăng?

Đáp: Đúng thế.

Hỏi: Nếu đối với sự việc này, có kiết ái trói buộc thì cũng có kiết vô minh trói buộc chăng?

Đáp: Nếu đối với sự việc này có kiết ái trói buộc, thì chắc chắn có kiết vô minh trói buộc. Hoặc có kiết vô minh trói buộc mà không có kiết ái trói buộc, nghĩa là khổ trí đã sinh mà tập trí chưa sinh, đối với pháp do kiến khổ mà đoạn, có kiết vô minh do kiến tập mà đoạn nhưng chưa đoạn.

Hỏi: Nếu đối với sự việc này, có kiết ái trói buộc thì cũng có kiết kiến trói buộc chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu để biện giải:

1. Hoặc có kiết ái trói buộc mà không có kiết kiến trói buộc. Nghĩa là tập trí đã sinh mà diệt trí chưa sinh, đối với pháp không tương ứng với kiết kiến do kiến diệt-đạo mà đoạn và đối với pháp do tu mà đoạn.

Có kiết ái chưa đoạn, diệt trí đã sinh mà đạo trí chưa sinh, đối với pháp không tương ứng với kiết kiến do kiến đạo mà đoạn và đối với pháp do tu mà đoạn.

Có kiết ái chưa đoạn, đệ tử của Đức Thế Tôn có đủ các kiến đối với pháp do tu mà đoạn, có kiết ái chưa đoạn.

2. Hoặc có kiết kiến trói buộc mà không có kiết ái trói buộc.

Nghĩa là khổ trí đã sinh mà tập trí chưa sinh, đối với pháp do kiến khổ mà đoạn, có kiết kiến do kiến tập mà đoạn còn chưa đoạn.

3. Hoặc có hai kiết đều trói buộc. Đó là có đủ ràng buộc đối với pháp do kiến - tu mà đoạn, có hai kiết trói buộc. Khổ trí đã sinh mà tập trí chưa sinh, đối với pháp do kiến tập-diệt-đạo- tu mà đoạn có hai kiết trói buộc. Tập trí đã sinh, diệt trí chưa sinh, đối với pháp tương ứng với kiết kiến do kiến diệt-đạo mà đoạn, có hai kiết trói buộc. Diệt trí đã sinh, đạo trí chưa sinh, đối với pháp tương ứng với kiết kiến do kiến đạo mà đoạn, có hai kiết trói buộc.

4. Hoặc có hai kiết đều không trói buộc. Nghĩa là tập trí đã sinh mà diệt trí chưa sinh, đối với pháp do kiến khổ- tập mà đoạn không có hai kiết trói buộc. Diệt trí đã sinh mà đạo trí chưa sinh, đối với pháp do kiến khổ-tập-diệt mà đoạn, không có hai kiết trói buộc. Đệ tử của Đức Thế Tôn thấy đầy đủ, đối với pháp do kiến mà đoạn, không có hai kiết trói buộc.

Đã lìa dục nhiễm, đối với pháp thuộc cõi Dục không có hai kiết trói buộc. Đã lìa sắc nhiễm, đối với pháp thuộc cõi Dục, Sắc, không có hai kiết trói buộc. Đã lìa nhiễm vô sắc, đối với pháp của ba cõi không có hai kiết trói buộc. Như đối với kiết kiến, đối với kiết nghi cũng vậy.

Hỏi: Nếu đối với sự việc này, có kiết ái trói buộc thì cũng có kiết thủ trói buộc chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu để biện giải:

1. Hoặc có kiết ái trói buộc mà không có kiết thủ trói buộc. Nghĩa là tập trí đã sinh, diệt trí chưa sinh, đối với pháp do tu mà đoạn có kiết ái chưa đoạn. Diệt trí đã sinh, đạo trí chưa sinh, đối với pháp do tu mà đoạn có kiết ái chưa đoạn. Đệ tử của Đức Thế Tôn thấy đầy đủ đối với pháp do tu mà đoạn, có kiết ái chưa đoạn.

2. Hoặc có kiết thủ trói buộc mà không có kiết ái trói buộc, nghĩa là khổ trí đã sinh mà tập trí chưa sinh, đối với pháp do kiến khổ mà đoạn, có kiết thủ do kiến tập mà đoạn còn chưa đoạn.

3. Hoặc có hai kiết đều trói buộc. Đó là vốn có trói buộc đối với pháp do kiến tu mà đoạn có hai kiết trói buộc. Khổ trí đã sinh mà tập trí chưa sinh, đối với pháp do kiến tập-diệt-đạo, tu mà đoạn, có hai kiết trói buộc. Tập trí đã sinh, diệt trí chưa sinh, đối với pháp do kiến diệt-đạo mà đoạn, có hai kiết trói buộc. Diệt trí đã sinh, đạo trí chưa sinh, đối với pháp do kiến đạo mà đoạn, có hai kiết trói buộc.

4. Hoặc có hai kiết đều không trói buộc: Tức là tập trí đã sinh, diệt trí chưa sinh, đối với pháp do kiến khổ-tập mà đoạn không có hai

kiết trói buộc. Diệt trí đã sinh, đạo trí chưa sinh, đối với pháp do kiến khổ-tập-diệt mà đoạn, không có hai kiết trói buộc. Đệ tử của Đức Thế Tôn thấy đầy đủ đối với pháp do kiến mà đoạn, không có hai kiết trói buộc. Đã lìa dục nhiễm, đối với pháp thuộc cõi Dục không có hai kiết trói buộc. Đã lìa sắc nhiễm, đối với pháp của thuộc Dục-Sắc, không có hai kiết trói buộc. Đã lìa vô sắc nhiễm, đối với pháp của ba cõi, không có hai kiết trói buộc.

Hỏi: Nếu đối với sự việc này, có kiết ái trói buộc thì cũng có kiết ganh tị trói buộc chăng?

Đáp: Nếu đối với sự việc này, có kiết ganh tị trói buộc, chắc chắn có kiết ái trói buộc. Hoặc có kiết ái trói buộc mà không có kiết ganh tị trói buộc. Nghĩa là đối với pháp do kiến mà đoạn thuộc cõi Dục, và đối với pháp thuộc cõi Sắc-Vô sắc, có kiết ái chưa đoạn. Như đối với kiết ganh tị, đối với kiết keo kiệt cũng vậy. Như kiết ái đối với một hành dấy khởi sau đó, kiết mạn đối với một hành dấy khởi sau đó, cũng vậy.

Hỏi: Nếu đối với sự việc này, có kiết giận dữ trói buộc thì cũng có kiết mạn trói buộc chăng?

Đáp: Nếu đối với sự việc này, có kiết giận dữ trói buộc, chắc chắn có kiết mạn trói buộc. Hoặc có kiết mạn trói buộc mà không có kiết giận dữ trói buộc. Nghĩa là đối với pháp thuộc cõi Sắc-Vô sắc, có kiết mạn chưa đoạn.

Hỏi: Nếu đối với sự việc này, có kiết giận dữ trói buộc thì cũng có kiết vô minh trói buộc chăng?

Đáp: Nếu đối với sự việc này, có kiết giận dữ trói buộc, chắc chắn có kiết vô minh trói buộc. Hoặc có kiết vô minh trói buộc mà không có kiết giận dữ trói buộc. Nghĩa là chưa xa lìa dục nhiễm, khổ trí đã sinh mà tập trí chưa sinh, đối với pháp do kiến khổ mà đoạn thuộc cõi Dục, có kiết vô minh do kiến tập mà đoạn còn chưa đoạn. Đối với pháp của cõi Sắc-Vô sắc, có kiết vô minh chưa đoạn.

Hỏi: Nếu đối với sự việc này, có kiết giận dữ trói buộc thì cũng có kiết kiến trói buộc chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu để biện giải:

1. Hoặc có kiết giận dữ trói buộc mà không có kiết kiến trói buộc. Nghĩa là chưa xa lìa dục nhiễm, tập trí đã sinh, diệt trí chưa sinh.

Đối với pháp không tương ứng với kiết kiến do kiến diệt-đạo mà đoạn thuộc cõi Dục và đối với pháp do tu mà đoạn thuộc cõi Dục, có kiết giận dữ chưa đoạn. Diệt trí đã sinh, đạo trí chưa sinh, đối với pháp không tương ứng với kiết kiến do kiến đạo mà đoạn thuộc cõi Dục, và

đối với pháp do tu mà đoạn thuộc cõi Dục, có kiết giận dữ chưa đoạn. Đệ tử của Đức Thế Tôn thấy đầy đủ chưa lìa dục nhiễm, đối với pháp do tu mà đoạn thuộc cõi Dục, có kiết giận dữ chưa đoạn.

2. Hoặc có kiết kiến trói buộc mà không có kiết giận dữ trói buộc. Nghĩa là chưa lìa dục nhiễm, khổ trí đã sinh mà tập trí chưa sinh, đối với pháp do kiến khổ mà đoạn thuộc cõi Dục, có kiết kiến do kiến tập mà đoạn còn chưa đoạn. Đối với pháp thuộc cõi Sắc - Vô sắc, có kiết kiến chưa đoạn.

3. Hoặc có hai kiết đều trói buộc. Gọi là vốn có trói buộc. Đối với pháp do kiến tu mà đoạn thuộc cõi Dục, có hai kiết trói buộc. Chưa lìa dục nhiễm, khổ trí đã sinh mà tập trí chưa sinh, đối với pháp do kiến, tập, diệt-đạo tu mà đoạn của cõi Dục, có hai kiết trói buộc. Tập trí đã sinh, diệt trí chưa sinh, đối với pháp tương ứng với kiết kiến do kiến diệt-đạo mà đoạn thuộc cõi Dục, có hai kiết trói buộc.

Diệt trí đã sinh, đạo trí chưa sinh, đối với pháp tương ứng với kiết kiến do kiến đạo mà đoạn thuộc cõi Dục, có hai kiết trói buộc.

4. Hoặc có hai kiết đều không trói buộc. Nghĩa là tập trí đã sinh, diệt trí chưa sinh, đối với pháp do kiến khổ, tập mà đoạn và đối với pháp không tương ứng với kiết kiến do kiến diệt-đạo mà đoạn thuộc cõi Sắc-Vô sắc, cùng với pháp do tu mà đoạn thuộc cõi Sắc-Vô sắc, không có hai kiết trói buộc. Diệt trí đã sinh, đạo trí chưa sinh, đối với pháp do kiến khổ-tập-diệt đoạn và đối với pháp không tương ứng với kiết kiến do kiến đạo mà đoạn thuộc cõi Sắc-Vô sắc cùng với pháp do tu mà đoạn thuộc cõi Sắc-Vô sắc, không có hai kiết trói buộc. Đệ tử của Đức Thế Tôn thấy đầy đủ chưa lìa dục nhiễm, đối với pháp do kiến mà đoạn và đối với pháp do tu mà đoạn thuộc cõi Sắc-Vô sắc, không có hai kiết trói buộc.

Đã lìa dục nhiễm, đối với pháp thuộc cõi Dục không có hai kiết trói buộc. Đã lìa sắc nhiễm, đối với pháp thuộc cõi Dục, Sắc không có hai kiết trói buộc. Đã lìa vô sắc nhiễm, đối với pháp của ba cõi không có hai kiết trói buộc. Như đối với kiết kiến, đối với kiết nghi cũng vậy.

Hỏi: Nếu đối với sự việc này, có kiết giận dữ trói buộc thì cũng có kiết thủ trói buộc chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu để biện giải:

1. Hoặc có kiết giận dữ trói buộc mà không có kiết thủ trói buộc. Nghĩa là chưa lìa dục nhiễm, tập trí đã sinh, diệt trí chưa sinh, đối với pháp do tu mà đoạn thuộc cõi Dục, có kiết giận dữ chưa đoạn. Diệt trí đã sinh, đạo trí chưa sinh, đối với pháp do tu mà đoạn thuộc cõi Dục, có

kiết giận dữ chưa đoạn. Đệ tử của Đức Thế Tôn thấy đầy đủ chưa lìa dục nhiễm, đối với pháp do tu mà đoạn thuộc cõi Dục có kiết giận dữ chưa đoạn.

2. Hoặc có kiết thủ trói buộc mà không có kiết giận dữ trói buộc. Gọi là chưa lìa dục nhiễm, khổ trí đã sinh mà tập trí chưa sinh, đối với pháp do kiến khổ mà đoạn thuộc cõi Dục, có kiết thủ do kiến tập mà đoạn còn chưa đoạn.

Đối với pháp thuộc cõi Sắc-Vô sắc, có kiết thủ chưa đoạn.

3. Hoặc có hai kiết đều trói buộc, gọi là vốn có trói buộc.

Đối với pháp do kiến tu mà đoạn thuộc cõi Dục, có hai kiết trói buộc. Chưa lìa dục nhiễm, khổ trí đã sinh mà tập trí chưa sinh, đối với pháp do kiến tập-diệt-đạo mà đoạn thuộc cõi Dục có hai kiết trói buộc. Tập trí đã sinh, diệt trí chưa sinh, đối với pháp do kiến diệt-đạo mà đoạn thuộc cõi Dục có hai kiết trói buộc. Diệt trí đã sinh, đạo trí chưa sinh, đối với pháp do kiến đạo mà đoạn thuộc cõi Dục, có hai kiết trói buộc.

4. Hoặc có hai kiết đều không trói buộc. Nghĩa là chưa lìa dục nhiễm, tập trí đã sinh, diệt trí chưa sinh, đối với pháp do kiến khổ, tập mà đoạn và đối với pháp do tu mà đoạn thuộc cõi Sắc-Vô sắc, không có hai kiết trói buộc. Diệt trí đã sinh, đạo trí chưa sinh, đối với pháp do kiến khổ-tập-diệt mà đoạn, và đối với pháp do tu mà đoạn thuộc cõi Sắc-Vô sắc, không có hai kiết trói buộc. Đệ tử của Đức Thế Tôn thấy đầy đủ chưa lìa dục nhiễm, đối với pháp do kiến mà đoạn và đối với pháp do tu mà đoạn thuộc cõi Sắc-Vô sắc, không có hai kiết trói buộc. Đã lìa dục nhiễm, đối với pháp thuộc cõi Dục-Sắc, không có hai kiết trói buộc. Đã lìa sắc nhiễm, đối với pháp thuộc cõi Dục, Sắc, không có hai kiết trói buộc. Đã lìa nhiễm vô sắc, đối với pháp của ba cõi, không có hai kiết trói buộc.

Hỏi: Nếu đối với sự việc này, có kiết giận dữ trói buộc thì cũng có kiết ganh tị trói buộc chăng?

Đáp: Nếu đối với sự việc này, có kiết ganh tị trói buộc, chắc chắn có kiết giận dữ trói buộc. Hoặc có kiết giận dữ trói buộc mà không có kiết ganh tị trói buộc, nghĩa là đối với pháp do kiến mà đoạn thuộc cõi Dục, có kiết giận dữ chưa đoạn. Như đối với kiết ganh tị, đối với kiết keo kiệt cũng vậy.